

Số: 1387/2022/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 31 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1237/2022/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trương Thị B, sinh năm 1979

- Ông Lê Xuân B, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: Số 550 đường P, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Trương Thị B và ông Lê Xuân B là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 06/5/1998 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 02/8/2022 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23/8/2022, bà B và ông B yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trương Kiều A, sinh ngày 10/12/1998 và Lê Anh T, sinh ngày 17/4/2004, các con đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy bà Trương Thị B và ông Lê Xuân B thật sự tự nguyện ly hôn; Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về con chung: có 02 con chung tên Lê Trương Kiều A, sinh ngày 10/12/1998 và Lê Anh T, sinh ngày 17/4/2004, các con đã trưởng thành.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không

thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Trương Thị B và ông Lê Xuân B thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 82, ngày 06/5/1998 của Ủy ban nhân dân thị P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Trương Kiều A, sinh ngày 10/12/1998 và Lê Anh T, sinh ngày 17/4/2004. Các con đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí Tòa án: Bà B và ông B phải chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số AA/2021/0049066 ngày 12/8/2022 của chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà B và ông B đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp, TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Quỳnh Trang